

GÓP PHẦN NGHIÊN CỨU KHU HỆ DOI VƯỜN QUỐC GIA BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

VŨ LONG, HOÀNG MINH ĐỨC

*Viện Sinh thái học Miền Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Nằm trong vùng sinh thái Nam Trường Sơn, Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loài động thực vật quý hiếm và đặc hữu [10]. Tuy nhiên, khu hệ doi nơi đây vẫn còn chưa được quan tâm nghiên cứu. Cụ thể, trong danh lục thú gồm 90 loài ghi nhận được ở VQG Bù Gia Mập, chỉ có 8 loài doi được đề cập, chiếm 9% tổng số loài thú của VQG [8]. Con số này khá khiêm tốn so với số lượng loài doi đã được ghi nhận tại các khu vực lân cận.

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm bổ sung và cập nhật thông tin về thành phần loài doi, một nhóm thú có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái [5] tại VQG Bù Gia Mập, góp phần hỗ trợ cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực nói riêng và Việt Nam nói chung.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã thực hiện 5 đợt khảo sát từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2012 trên phần lớn diện tích của VQG Bù Gia Mập. Thời gian khảo sát gồm cả mùa mưa và mùa khô. Các khu vực đã khảo sát thuộc phạm vi quản lý của các Trạm Bảo vệ rừng số 2, số 3, số 5, số 7, số 8 và số 9.

Thu mẫu: Ba phương pháp chính được áp dụng để khảo sát và thu mẫu nhóm doi là lưới mờ (loại mắt lưới 3mm với ba dạng kích thước: 3m × 6m; 1,5m × 9m và 2m × 4m); bẫy thụ cầm (kích thước ngang 1,5m, cao 2,2m) và vợt tay. Bẫy, lưới mờ được bố trí tại các cao độ khác nhau trong VQG Bù Gia Mập. Vị trí nơi đặt lưới, bẫy đều được đánh dấu lại bằng GPS. Tùy theo điều kiện địa hình, lưới và bẫy có thể được bố trí riêng lẻ hoặc kết hợp nhằm tăng hiệu quả thu mẫu. Lưới và bẫy được mở ra từ 17 giờ hằng ngày và đóng lại vào 6 giờ sáng hôm sau. Vợt tay được sử dụng để thu mẫu bổ sung tại những khu vực không thể đặt lưới và bẫy.

Xử lý mẫu: Ngoài thực địa, tiến hành chụp ảnh mô tả các cá thể thu được theo thứ tự: Dạng lông, dạng tai, màng cánh, màng gian đùi, kích thước (chiều dài cẳng tay, chiều dài chân, chiều dài đuôi, chiều cao tai, trọng lượng...), giới tính, nhóm tuổi [1, 3]... Các thông tin về vị trí thu mẫu như tọa độ, cao độ, dạng sinh cảnh cũng sẽ được ghi chép cho từng mẫu vật tương ứng. Mỗi loài thu từ ba đến năm mẫu đại diện. Mẫu vật sẽ được tiêm cồn 90° vào các mô để phân hủy, nội tạng, sau đó cố định trong cồn 70° và chuyển về Phòng Động vật, Viện Sinh thái học Miền Nam để phân tích thêm. Trong trường hợp cần thiết, sẽ tiến hành làm mẫu sọ để phục vụ công tác định danh. Các mẫu mô cũng được lưu trữ để phân tích DNA khi có điều kiện.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài doi ở VQG Bù Gia Mập

Qua 5 đợt khảo sát, mỗi đợt 7 ngày, thực hiện từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2012, tổng cộng đã bắt 54 cá thể doi, tiến hành thu 37 mẫu vật. Đã có 16 loài doi thuộc 11 giống 5 họ (bảng 1) được ghi nhận trực tiếp. Kết quả này đã bổ sung 8 loài doi cho danh lục thú của VQG [8]

Bảng 1

Danh sách các loài dơi đã ghi nhận và số đo trung bình một số chỉ tiêu phân loại

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Số cá thể dính lưới/bẫy	Tần số bắt gặp	Số mẫu đã thu	FA (mm)	E (mm)	T (mm)	W (g)
	Họ Dơi quả	Pteropodidae	37	0,685					
1	Dơi chó ẩn	<i>Cynopterus sphinx</i>	15	0,278	5	66,1	18,7	12,2	39,5
2	Dơi chó cánh ngắn	<i>Cynopterus brachyotis</i>	1	0,019	1	64,0	15,7	11,5	33,5
3	Dơi quả cụt đuôi	<i>Megaerops niphanae</i>	5	0,093	5	57	17,1	-	24
4	Dơi ăn mật hoa	<i>Macroglossus sorbinus</i>	7	0,130	3	47,8	17,6	1,3	24,5
5	Dơi quả lưỡi dài	<i>Eonycteris spelaea</i>	4	0,074	3	69,8	18,1	19,9	53,5
6	Dơi cáo	<i>Rousettus amplexicaudatus</i>	5	0,093	3	84,1	19,5	19,9	68
	Họ Dơi bao đuôi	Emballonuridae	1	0,019					
7	Dơi bao đuôi đen	<i>Taphozous theobaldi</i>	1	0,019	1	70,4	23,1	25,9	30,5
	Họ Dơi ma	Megadermatidae	3	0,056					
8	Dơi ma nam	<i>Megaderma spasma</i>	2	0,019	2	56,9	31,7	-	24
9	Dơi ma bắc	<i>Megaderma lyra</i>	1	0,037	1	70,8	42,4	-	50
	Họ Dơi lá mũi	Rhinolophidae	5	0,093					
10	Dơi lá nâu	<i>Rhinolophus pusillus</i>	1	0,019	1	36,65	13,9	17,8	5
11	Dơi lá mũi quạ	<i>Rhinolophus luctus</i>	1	0,019	1	70,3	39,6	53,7	35
12	Dơi lá malay	<i>Rhinolophus malayanus</i>	3	0,056	3	39	18,5	19,3	6
	Họ Dơi muỗi	Vespertilionidae	8	0,148					
13	Dơi muỗi	<i>Pipistrellus tenuis</i>	3	0,056	3	26,2	11,6	30	3,5
14	Dơi rô-bút	<i>Tylonycteris robustula</i>	1	0,019	1	25,9	8,8	27,4	3,5
15	Dơi ống tre nhỏ	<i>Tylonycteris pachypus</i>	3	0,056	3	27,5	9,7	29,3	4,5
16	Dơi tai ngón lớn	<i>Myotis rosseti</i>	1	0,019	1	29,2	12,4	30,1	3

Chú thích: Đợt khảo sát: Đợt 1: Tháng 3/2011; đợt 2: Tháng 6/2011; đợt 3: Tháng 9/2011; đợt 4: Tháng 12/2011; đợt 5: Tháng 5/2012. Các chỉ tiêu đo đạc: FA (Forearm length)-Chiều dài cánh tay; E (Ear length)-Chiều cao tai; T (Tail length)-Chiều dài đuôi; W (Weight)-Trọng lượng.

Trong số 5 họ dơi ghi nhận được tại VQG Bù Gia Mập, họ Dơi quả Pteropodidae có số lượng loài nhiều nhất với 6 loài, chiếm 37,5% tổng số loài dơi. Tiếp đến là họ Dơi muỗi Vespertilionidae với 4 loài, chiếm 25% số loài dơi đã ghi nhận. Họ Dơi bao đuôi Emballonuridae có số lượng loài ít nhất với 1 loài được ghi nhận (chiếm 6,25% tổng số loài).

Loài Dơi chó ẩn *Cynopterus sphinx* là loài phổ biến nhất tại VQG Bù Gia Mập với tần suất bắt gặp là 0,278 (15/54 cá thể).

2. Mức độ đa dạng

Cho tới thời điểm này, VQG Bù Gia Mập là một trong số ít những khu vực rừng đặc dụng thuộc Đông Nam Bộ có kết quả điều tra riêng về dơi. Nhìn chung, khu hệ dơi tại VQG Bù Gia Mập có số lượng loài không nhiều. So với các khu vực lân cận đã được nghiên cứu kỹ về dơi như VQG Cát Tiên [6] hoặc Khu Bảo tồn thiên nhiên và Văn hóa (KBTTN & VH) Đồng Nai [7] (trước đây là Khu Bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu), VQG Bù Gia Mập có số lượng loài dơi được biết thấp nhất (xem bảng 2). Tuy nhiên, trong ba khu vực nêu trên, VQG Bù Gia Mập là khu vực có diện tích nhỏ nhất. KBTTN & VH Đồng Nai có diện tích lớn gấp đôi VQG Bù Gia Mập, nhưng số lượng loài dơi đã ghi nhận tại đó chỉ hơn VQG Bù Gia Mập 3 loài, còn số giống lại thấp hơn 2 giống so với VQG Bù Gia Mập. Xét về số lượng họ, VQG Bù Gia Mập có số lượng họ ngang bằng với KBTTN & VH Đồng Nai và xấp xỉ VQG Cát Tiên, một khu vực nổi tiếng về đa dạng sinh học có tổng diện tích gấp 3 lần VQG Bù Gia Mập. Điều đó chứng tỏ khu hệ dơi VQG Bù Gia Mập có tính đa dạng tương đối cao.

Bảng 2

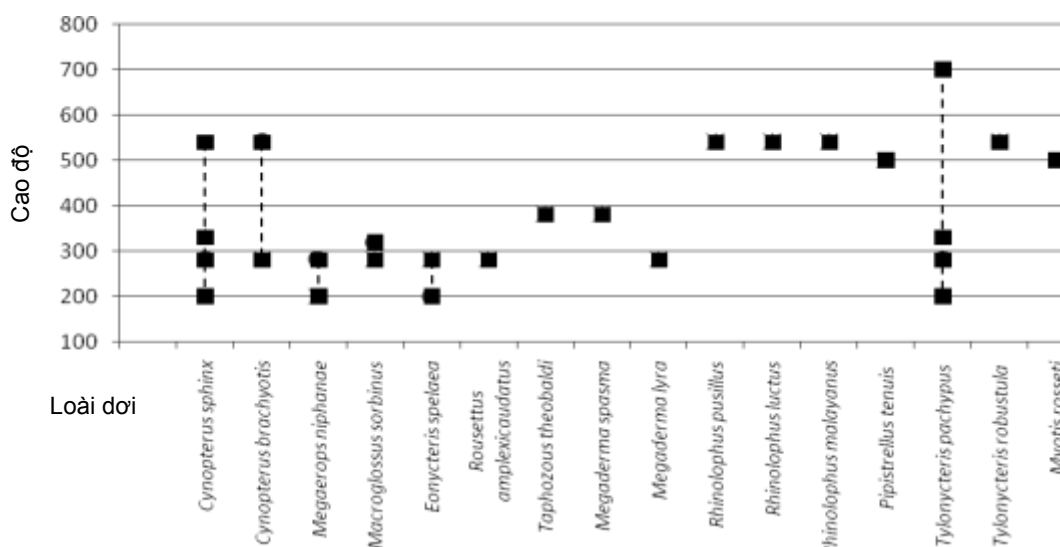
So sánh thành phần dơi hiện biết ở VQG Bù Gia Mập với một số rừng đặc dụng ở Đông Nam Bộ

Địa điểm	Họ	Giống	Loài	Tổng diện tích (km ²)	Nguồn tư liệu
VQG Cát Tiên	7	18	36	719,20	[6]
KBTTN & VH Đồng Nai	5	9	19	580,00	[4]
VQG Bù Gia Mập	5	11	16	260,00	

Bên cạnh mức độ đa dạng cao, khu hệ dơi VQG Bù Gia Mập còn có một số điểm đặc trưng. Thứ nhất: Họ Dơi quả Pteropodiade là nhóm dơi ưu thế trong khu hệ dơi của VQG, có số lượng loài lớn nhất (6 trên 16 loài) cũng như tần số bắt gặp cao nhất (0,685). Điều này rất khác biệt với các khu hệ dơi chiếm ưu thế bởi họ Vespertilionidae ở VQG Cát Tiên và KBTTN & VH Đồng Nai [6, 7]. Thứ hai: Quá trình điều tra đã không ghi nhận được bất kỳ loài dơi nào trong họ Dơi nếp mũi Hipposiderididae, vốn rất phổ biến ở khu vực lân cận. Thứ ba: Tại VQG Bù Gia Mập đã ghi nhận loài Dơi cáo *Rousettus amplexicaudatus*, một loài ít gặp ở khu vực phía Nam. Loài này chưa được ghi nhận ở cả VQG Cát Tiên và KBTTN & VH Đồng Nai [6, 7].

3. Phân bố theo cao độ

VQG Bù Gia Mập có cao độ từ 200m đến 700m. Biên độ cao độ giữa nơi cao nhất và nơi thấp nhất tại VQG này là không nhiều (500m). Tuy nhiên, các loài dơi đã ghi nhận tại VQG Bù Gia Mập dường như có xu hướng phân bố theo cao độ. Trong thời gian khảo sát, tổng cộng 16 loài dơi đã được ghi nhận trong khoảng cao độ từ 200m đến 700m. Có 7 loài dơi chỉ được ghi nhận trong khoảng cao độ từ 200m đến 400m, 6 loài dơi chỉ được ghi nhận ở cao độ từ 500m trở lên. Có 3 loài dơi được ghi nhận gần như ở mọi cao độ khảo sát. Các loài dơi trong nhóm Megachiroptera (bao gồm họ Pteropodiade) chủ yếu được ghi nhận tại cao độ thấp, từ 200m đến 300m, trong khi các loài dơi trong nhóm Microchiroptera (các họ còn lại) chủ yếu được ghi nhận trong khoảng cao độ trên 300m (hình 1).



Hình 1. Biểu đồ cao độ ghi nhận các loài dơi tại VQG Bù Gia Mập

4. Tác động của con người lên các loài dơi tại VQG Bù Gia Mập

Trong quá trình khảo sát đã ghi nhận một số tác động của cộng đồng địa phương lên các loài dơi tại VQG Bù Gia Mập. Các cộng đồng dân tộc thiểu số người S'tiêng, M'Nông cư trú trong vùng đệm VQG Bù Gia Mập có truyền thống sử dụng các loài dơi sống trong ống tre *Tylonycteris pachypus* và *T. robustula* làm món ăn. Hiện nay, do sự gia tăng dân số và việc mở tuyến đường tuần tra biên giới cắt ngang qua VQG Bù Gia Mập, quá trình khai thác hai loài dơi này đang gia tăng nhanh, có thể gây suy giảm kích thước quần thể nếu không được quản lý.

III. KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu này đã ghi nhận 16 loài dơi thuộc 11 giống 5 họ tại VQG Bù Gia Mập, bổ sung 8 loài cho danh lục thú của VQG.

2. So với các khu vực đã có điều tra riêng về dơi, khu hệ dơi VQG Bù Gia Mập có tính đa dạng và tính độc đáo cao. Việc không ghi nhận được bất kỳ loài nào thuộc họ Hipposideridae tại VQG Bù Gia Mập cần được nghiên cứu thêm.

3. Đối chiếu cao độ ghi nhận các loài dơi tại VQG Bù Gia Mập cho thấy các loài dơi tại đây có xu hướng phân bố theo cao độ. Nhóm dơi Megachiroptera có xu hướng phân bố ở cao độ từ 200m đến 300m, trong khi nhóm dơi Microchiroptera có xu hướng phân bố ở các cao độ cao hơn.

4. Cần xây dựng cơ chế quản lý, khai thác bền vững hai loài dơi sống trong ống tre *Tylonycteris pachypus* và *T. robustula* vì hai loài này đang bị cộng đồng dân tộc thiểu số khai thác mạnh để làm thực phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Borissenko A.V., S. V. Kruskop**, 2003. Bats of Viet Nam and adjacent territories: An identification manual. Moscow: Joint Russian-Vietnamese Science and Technological Tropical Centre, Zoological Museum of Moscow. V. Lomonosov State University.
2. **Corbet G. B., J. E. Hill**, 1992. The mammals of Indo-Malayan Region: A systematic review. Oxford: Oxford University Press.

3. **Francis C.**, 2008. A Guide to the Mammals of South-east Asia. Princeton University Press, Princeton, New Jersey.
4. **IUCN**, 2010. The IUCN Red list of threatened species. (28th May 2013; <http://www.iucnredlist.org/>)
5. **Neuweiler G.**, 2000. Biology of bats. Oxford University Press, Oxford.
6. **Polet G., S. Ling**, 2004. Protecting mammal diversity: opportunities and constraints for pragmatic conservation management in Cat Tien national park, Viet Nam. *Oryx* 38.
7. **Nguyễn Trường Sơn, Vũ Đình Thống, Phạm Đức Tiến**, 2009. Báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ ba. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
8. **SubFIPI**, 2004. Phúc tra hiện trạng tài nguyên rừng VQG Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tp. Hồ Chí Minh: Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng 2.
9. **VanPeenen**, 1969. Preliminary identification manual for mammals of South Vietnam. Washington: Smithsonian Institution.
10. **Tordoff A.W., Tran Quoc Bao, Nguyen Duc Tu, Le Manh Hung, eds**, 2004. Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam. Second edition. Hanoi: Birdlife International in Indochina and Ministry of Agriculture and Rural Development. online version: Http://www.birdlifeindochina.org/source_book/source_book/frs_ne_fr2.html Accession date: 5/21/13.

CHIROPTERA FAUNA SURVEY IN BU GIA MAP NATIONAL PARK, BINH PHUOC PROVINCE

VU LONG, HOANG MINH DUC

SUMMARY

This paper presents the results of the bat surveys carried out in Bu Gia Map National Park (Bu Gia Map NP), Binh Phuoc province, southern Vietnam. A total of 16 bat species belonging to 11 genera, 5 families had been recorded in this area. For an area of 26000ha, the bat fauna of Bu Gia Map NR is quite diverse and demonstrated some remarkable: The dominance of the Pteropodidae family; the existence of *Rousettus amplexicaudatus* which is fairly rare in an identified location in Vietnam; and the absence of the Hipposideridae family, which are very common in adjacent protected areas. Otherwise, the bats fauna in Bu Gia Map NP have an elevational distribution. The Megachiroptera tend to distribute below 300meters asl, while most of the Microchiroptera have been records in elevation above 300meters asl. The results also indicate that at least 2 bat species in Bu Gia Map NP are threatened by local community's consumption.